TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2017/QĐDS-HNGĐ
Ngày: 25 - 7 -2017
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Việt Hà - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 07/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 về yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con theo Quyết định mở phiên họp số: 02/2017/QĐPH-ST ngày 10 tháng 7 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Ngô Thị P, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: xã A, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Chứng minh nhân dân: 168588483. Địa chỉ: Japan – Saitama Ken – Kodama Gun – Kamikawamachi – Motohara 167 banchi 8 – T367 – 0241. Hiện đang lao động tại Nhật Bản. Số hộ chiếu: B9363710. (Vắng mặt)

- Anh Bùi Thế N, sinh năm 1982; Địa chỉ: xã A, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Căn cước công dân số: 035082002025. (Có mặt)

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị P và anh Bùi Thế N.

- Yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con giữa chị Ngô Thị P và anh Bùi Thế N.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 4 Điều 363 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và tại phiên họp giải quyết việc dân sự có mặt anh N, chị P có đơn xin vắng mặt.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thế N và chị Ngô Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Eakmut, huyện Eakar, tỉnh Đăk Lăk ngày 29/6/2010. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do từ năm 2015 chị P đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng xa cách, tình cảm chị P đối với anh thay đổi, bất đồng về quan điểm sống và cách sống, chị P không còn quan tâm gì đến anh và con. Chị P xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng về quan điểm sống và cách sống, anh N hay ghen tuông, không tin tưởng chị nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2015, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh N, chị P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N và chị P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N và Chị P có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

- Về nuôi con: Anh N và chị P xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngô Hoàng L, sinh ngày 19/01/2012; hiện nay cháu L đang ở với anh N. Ly hôn chị P và anh N thống nhất thỏa thuận để anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi cháu trưởng thành, lao động tự lập được và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị P cũng không có thai. Xét thấy, thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Tòa án chấp nhận.

- Về tài sản, công nợ và các yêu cầu khác anh N và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Người yêu cầu phải chịu theo quy định của pháp luật. Anh N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự, anh nộp thay cho chị P và tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai chị P đồng ý với sự tự nguyện của anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự, đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 369, 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của anh N và chị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, Điều 37, Điều 67, khoản 2 Điều 149, Điều 370, Điều 396, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Thế N, sinh năm 1982; Địa chỉ: xã A, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam và chị Ngô Thị P, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: xã A, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Địa chỉ: Japan – Saitama Ken – Kodama Gun – Kamikawamachi – Motohara 167 banchi 8 – T367 – 0241. Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

2. Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của anh Bùi Thế N và chị Ngô Thị P, giao anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Ngô Hoàng L, sinh ngày 19/01/2012 cho đến khi cháu trưởng thành, lao động tự lập được và chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản trong việc gặp gỡ, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Ngô Hoàng L.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Bùi Thế N và chị Ngô Thị P mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N và chị P để anh N nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Anh N được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam theo biên lai số AA/2015/0001658 ngày 30/6/2017. Anh N đã thi hành xong phần lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi công bố.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Việt Hà

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Eakmut;
- UBND xã A;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ.